

Số: 1125/BC-XNK

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

## BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành Thông tư số 39/2018/TT-BCT  
ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra,  
xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu**

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương gửi công văn số 1497/XNK-XXHH ngày 07/11/2025 cho các cơ quan, tổ chức cấp C/O đề nghị phối hợp về việc báo cáo tổng kết việc thi hành Thông tư số 39/2018/TT-BCT nêu trên. Đến nay, Cục Xuất nhập khẩu đã nhận được 17/20 báo cáo bằng văn bản của 18 Phòng Quản lý XNK khu vực, Sở Công Thương Hải Phòng và Ban Quản lý Khu công nghiệp, khu chế xuất TP. Hồ Chí Minh, kết quả cụ thể như sau:

### **1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 39/2018/TT-BCT quy định việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại khoản 1 Điều 28 Nghị định nêu trên. Các công tác chỉ đạo, tổ chức thi hành Thông tư số 39/2018/TT-BCT gồm có:

- Phổ biến Thông tư số 39/2018/TT-BCT tại các hội nghị: Hội nghị tập huấn VCCI vào tháng 8/2018 tại TP. Hồ Chí Minh, Hội nghị tổng kết các cơ quan, tổ chức cấp C/O năm 2018 vào tháng 11/2018 tại Nghệ An, Hội nghị trực tuyến tập huấn chứng nhận xuất xứ hàng hóa vào tháng 10/2021 và Hội nghị tổng kết các cơ quan, tổ chức cấp C/O năm 2023 vào tháng 10/2023 tại Hải Phòng.

- Gửi thông cáo báo chí: Đăng Công báo và Công thông tin điện tử của Bộ Công Thương theo quy định.

- Thông báo đầu mối xác minh của Việt Nam với quốc tế: tại công văn số 1415/XNK-XXHH ngày 13/12/2018 của Cục Xuất nhập khẩu.

### **2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật**

Trên cơ sở báo cáo bằng công văn, thư điện tử của 19 Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực và một số cơ quan, tổ chức cấp C/O được Bộ Công Thương ủy quyền,

kết quả thực thi Thông tư số 39/2018/TT-BCT từ năm 2019 đến hết năm 2024 cụ thể như sau:

**2.1. Kết quả thực hiện Thông tư số 39/2018/TT-BCT**

*2.1.1. Phối hợp kiểm tra, xác minh chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O đã cấp và D/O đã phát hành) với cơ quan hải quan quốc tế theo quy định FTA:*

- Kiểm tra hồ sơ giấy:

| Năm         | Tổng SL C/O đã cấp (bộ) | Tổng SL D/O đã phát hành (bộ) | Ghi chú  |
|-------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| 2019 - 2024 | 6,065                   | 0                             | Ấn Độ, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Nga, Ý, Thái Lan, Nhật Bản, Hà Lan, Bỉ, Pháp, Đức, Mexico... |

- Xác minh tại cơ sở sản xuất:

| Năm       | Tổng SL thương nhân đề nghị cấp C/O (doanh nghiệp) | Tổng SL thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (doanh nghiệp) | Ghi chú                       |
|-----------|--|---|-------------------------------|
| 2019-2024 | 10   | 4   | với cơ quan hải quan Hàn Quốc |

*2.1.2. Chủ động kiểm tra, xác minh quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa:*

- Kiểm tra hồ sơ giấy:

| Năm         | Tổng SL C/O đã cấp (bộ) | Tổng SL D/O đã phát hành (bộ) | Ghi chú |
|-------------|-------------------------|-------------------------------|---------|
| 2019 - 2024 | 50,244                  | 0                             |         |

- Xác minh tại cơ sở sản xuất (trước khi cấp C/O, trước khi cấp VBCT/tiếp nhận đăng ký mã số REX; sau khi cấp C/O, sau khi thương nhân phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa):

| Năm | Tổng SL thương nhân đề nghị cấp C/O | SL thương nhân đề nghị cấp VBCT | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------|---------|
|-----|-------------------------------------|---------------------------------|---------|

|           | (doanh nghiệp) | (doanh nghiệp) |                                       |
|-----------|----------------|----------------|---------------------------------------|
| 2019-2024 | 224            | 11             | sau khi cấp C/O và trước khi cấp VBCT |

### 2.1.3. Áp dụng biện pháp chống gian lận xuất xứ

- Số lượng doanh nghiệp gian lận xuất xứ hàng hóa bị phát hiện đã áp dụng các biện pháp theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP: 15 doanh nghiệp.

- Số lượng doanh nghiệp gian lận xuất xứ hàng hóa bị phát hiện, đã chuyển hồ sơ sang Quản lý thị trường để xử lý vi phạm hành chính hoặc chuyển cho cơ quan công an để xem xét dấu hiệu vi phạm hình sự (nếu có): 07 doanh nghiệp

## 2.2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của Thông tư số 39/2018/TT-BCT

### 2.2.1. Ưu điểm:

- Cơ sở pháp lý rõ ràng cho công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ Thông tư 39/2018/TT-BCT quy định chi tiết việc kiểm tra và xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu trước và sau khi cấp C/O, cũng như việc tự chứng nhận xuất xứ của thương nhân, phù hợp với Nghị định 31/2018/NĐ-CP.

- Hai phương pháp kiểm tra linh hoạt:

+ Kiểm tra hồ sơ: xem xét các tài liệu, chứng từ liên quan đến xuất xứ hàng hóa.

+ Kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất: kiểm tra nhà máy, nhà xưởng, năng lực sản xuất, kho bãi... để xác minh xuất xứ.

Điều này giúp cơ quan quản lý đánh giá được cả tính hình thức của hồ sơ và thực chất sản xuất - hỗ trợ tốt cho việc ngăn ngừa gian lận xuất xứ.

- Quy định trách nhiệm minh bạch

+ Thương nhân, nhà sản xuất có trách nhiệm cung cấp chứng từ, thông tin về xuất xứ, nguyên vật liệu, quy trình sản xuất.

+ Cơ quan cấp C/O, cơ quan xác minh phải hợp tác, tổ chức đoàn thanh tra theo quy trình rõ ràng khi có yêu cầu kiểm tra.

- Hầu hết thương nhân đã nắm được quy định, trình tự thực hiện và phối hợp tốt với cơ quan cấp C/O. Doanh nghiệp đã chủ động liên hệ nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu để thu thập chứng từ, thông tin cần thiết phục vụ công tác xác minh. Hồ sơ giải trình, bổ sung được thực hiện đúng thời hạn; doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ cung cấp. Công tác quản lý nhà nước được nâng cao, hạn chế tình trạng khai sai, gian lận xuất xứ để hưởng ưu đãi

- Tương thích với các cam kết quốc tế và ưu đãi xuất xứ: Nếu các điều ước quốc tế hoặc quy định ưu đãi xuất xứ của nước nhập khẩu có cách kiểm tra khác, Thông tư 39/2018/TT-BCT cho phép ưu tiên áp dụng theo điều ước/quy định đó.

- Cơ chế phòng chống gian lận xuất xứ: Thông tư quy định việc kiểm tra dựa trên rủi ro, thông qua cả hồ sơ và thực tế, góp phần ngăn chặn hành vi khai sai xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế (giả mạo C/O, tự chứng nhận xuất xứ không trung thực).

### 2.2.2. *Bất cập, hạn chế:*

- Thông tư chưa quy định:
  - + Cách thức đánh giá rủi ro, tiêu chí nghi ngờ gian lận
  - + Các biểu mẫu cụ thể như quyết định thành lập tổ công tác, biên bản kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.
  - + Chứng từ, hồ sơ thương nhân cần cung cấp cho việc xác minh xuất xứ hàng hóa.
  - + Nguồn tài chính để thực hiện kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa, trong khi Cục Xuất nhập khẩu cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng nguồn phí C/O thu được.
  - + Chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa chưa đủ mạnh, đủ sức dẫn dè để ngăn ngừa các hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa.
  - + Cơ chế phối hợp liên ngành khi kiểm tra xuất xứ với cơ quan hải quan, lực lượng quản lý thị trường hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác để kiểm tra xuất xứ nguyên liệu nhập khẩu, điều này có thể hạn chế hiệu quả xác minh xuất xứ thực tế.
- Thông tư chưa đề cập đến các nội dung về hồ sơ điện tử, chữ ký số khi xác minh xuất xứ; tiếp nhận – kiểm tra – lưu trữ chứng từ số; chưa cập nhật tương thích với một số FTA thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, RCEP ...
- Ngoài cơ quan, tổ chức cấp C/O, còn có các cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền trong nước được quyền xác minh xuất xứ hàng hóa, dẫn đến tình huống doanh nghiệp đã được cấp C/O vẫn có thể phải tiếp hai đoàn kiểm tra xuất xứ từ các cơ quan khác nhau. Kết quả xác minh giữa các cơ quan có thể không thống nhất do khác biệt về phương pháp đánh giá, cách diễn giải quy tắc xuất xứ hoặc thời điểm kiểm tra, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

## 3. **Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Trong quá trình triển khai các quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BCT, cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi nhận một số khó khăn, vướng mắc như sau:

### 3.1. *Khó khăn trong việc kiểm tra và đối chiếu hồ sơ doanh nghiệp:*

Hồ sơ doanh nghiệp cung cấp (định mức, nguyên liệu, quy trình sản xuất, bảng kê chi phí...) chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, dẫn đến khó khăn trong việc đối chiếu, xác minh.

*Nguyên nhân:* Nhiều doanh nghiệp lập hồ sơ nội bộ thủ công, thiếu chuẩn hóa, không theo dõi thường xuyên nên thông tin bị thiếu hoặc không trùng khớp. Xác minh đến tận nhà sản xuất ban đầu gặp nhiều khó khăn khi thương nhân không trực tiếp sản xuất, hàng hóa qua nhiều khâu trung gian.

### 3.2. *Việc kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất phức tạp và mất nhiều thời gian:*

Quy trình sản xuất của nhiều doanh nghiệp phân tán tại nhiều nhà xưởng, một số khâu gia công thuê ngoài; việc đánh giá năng lực sản xuất, kho nguyên liệu và lượng hàng thực xuất vì vậy mất nhiều thời gian và đòi hỏi nhiều lượt khảo sát.

*Nguyên nhân:* Mô hình sản xuất ngày càng phức tạp; doanh nghiệp không chuẩn bị đầy đủ tài liệu hỗ trợ kiểm tra (sơ đồ dây chuyền, định mức thực tế...); chưa có hướng dẫn chi tiết về phương pháp kiểm tra theo từng ngành trong Thông tư.

### **3.3. Khó khăn trong xử lý yêu cầu xác minh của cơ quan hải quan nước nhập khẩu:**

Nhiều yêu cầu xác minh xuất xứ từ các thị trường nước ngoài có nội dung phức tạp, sử dụng thuật ngữ kỹ thuật hoặc đòi hỏi chứng từ sâu về quy trình sản xuất, khiến đơn vị gặp khó khăn trong việc xác định nội dung trọng tâm cần kiểm tra và tài liệu cần thu thập. Đặc biệt, mỗi thị trường có một cách đặt vấn đề và yêu cầu tài liệu khác nhau, gây lúng túng cho cán bộ trong quá trình xử lý.

*Nguyên nhân:* Sự khác biệt giữa các thị trường, việc thiếu mẫu yêu cầu thống nhất và cách diễn đạt không đồng nhất khiến đơn vị mất nhiều thời gian để phân tích, giải thích và chuẩn bị nội dung đáp ứng từng nước; đồng thời cơ quan cấp C/O chưa có đủ nguồn tài liệu tham chiếu để phân tích yêu cầu xác minh chi tiết.

### **3.4. Khối lượng công việc ngày càng lớn trong khi nhân lực mỏng:**

Khối lượng hồ sơ cấp C/O, hồ sơ tự chứng nhận và các yêu cầu xác minh từ nước nhập khẩu ngày càng nhiều, dẫn đến tình trạng xử lý hồ sơ bị chậm trễ, một số trường hợp trả lời quá hạn, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan và quyền lợi của doanh nghiệp.

*Nguyên nhân:* Nguồn nhân lực thực hiện xác minh xuất xứ còn mỏng so với khối lượng công việc; cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc nên không đủ thời gian để xử lý kịp tiến độ, đặc biệt khi phát sinh nhiều yêu cầu xác minh từ EU, Ấn Độ, Trung Quốc... cùng lúc. Công tác xác minh lại đòi hỏi kiến thức sâu và thời gian phân tích kỹ lưỡng nên càng làm tăng áp lực cho đội ngũ hiện có.

### **3.5. Hạn chế về cơ sở dữ liệu và hạ tầng số phục vụ xác minh:**

Hồ sơ điện tử chưa được áp dụng đồng bộ; việc lưu trữ và tra cứu thông tin còn mất thời gian; hệ thống số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu kiểm tra xuất xứ trong bối cảnh số lượng hồ sơ lớn.

*Nguyên nhân:* Một số FTA vẫn yêu cầu C/O bản giấy, khiến hồ sơ lưu trữ phân tán, khó tìm kiếm; Hệ thống eCoSys thường xuyên lỗi, ảnh hưởng đến tốc độ tra cứu và đối chiếu thông tin.

## **4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn**

- Trong thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành, sửa đổi, bổ sung nhiều luật như Luật Tổ chức Chính phủ 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại theo hướng mở rộng dân chủ, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giải quyết TTHC, bao gồm thủ tục cấp C/O và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đòi hỏi cần rà soát, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của các quy định hiện hành trong Luật Quản lý ngoại thương 2017, Nghị định số 31/2018/NĐ-CP và Thông tư số 39/2018/TT-BCT quy định về kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

- Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, mở rộng cơ quan có thẩm quyền cấp C/O và Văn bản chấp thuận ở cả trung ương và địa phương vừa qua dẫn đến một số quy định của Thông tư số 39/2018/TT-BCT không còn phù hợp (cần nhắc các quy định về cơ chế phối hợp, báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình xác minh, tự áp dụng biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa sau xác minh...).

## **5. Những nội dung khác (nếu có)**

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở báo cáo thực thi Thông tư số 39/2018/TT-BCT của các cơ quan, tổ chức cấp C/O, Cục Xuất nhập khẩu rà soát và kiến nghị sửa đổi Thông tư như sau:

#### **1. Đề xuất không quy định:**

- Cách thức, tiêu chí quản lý rủi ro xuất xứ hay thiết lập hệ thống dữ liệu dùng chung giữa cơ quan cấp C/O, Cục Xuất nhập khẩu và một số cơ quan thuế, hải quan để hỗ trợ phân tích rủi ro do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư. Thông tư chỉ hướng dẫn nội dung, phương thức, trình tự đối với việc kiểm tra, xác minh hàng xuất khẩu cho các cơ quan, tổ chức cấp C/O và cấp Văn bản chấp thuận.

- Nguồn tài chính cho việc thực hiện kiểm tra, xác minh hàng hóa xuất khẩu do việc quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do Bộ Tài chính quy định. Bộ trưởng Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động trong việc xây dựng kế hoạch.

- Đầu mỗi kiểm tra, xác minh gửi trực tiếp từ Chính phủ đến nhà xuất khẩu/thương nhân đề nghị cấp C/O trong CPTPP (Government to business) do đã được quy định tại Hiệp định CPTPP và Thông tư quy định quy tắc xuất xứ CPTPP.

- Cơ chế phối hợp cung cấp thông tin, số liệu cấp C/O đã cấp cho cơ quan công an, quản lý thị trường ...do cơ chế tiếp nhận để xử phạt hồ sơ C/O bị gian lận xuất xứ hay đề nghị cung cấp thông tin, trong đó có xuất xứ để phục vụ điều tra thuộc thẩm quyền tiếp nhận và quy trình xử lý ở các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan hay bộ, ngành khác.

- Chế tài xử lý vi phạm gian lận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu do đã được quy định tại Điều 44 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025).

- Trách nhiệm của doanh nghiệp về lưu trữ chứng từ đồng bộ, minh bạch đã được quy định từ khoản 3 đến khoản 6 Điều 21 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.

- Xem xét quy định kiểm tra, xác minh phi địa giới hành chính vì nguyên tắc C/O hay Văn bản chấp thuận do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương nào cấp cho thương nhân sẽ do cơ quan đó thực hiện kiểm tra, xác minh.

## **2. Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung:**

- Cơ quan, tổ chức cấp C/O hoặc cấp Văn bản chấp thuận thuộc Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) hay tại địa phương đều có trách nhiệm kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo quy định của FTA hoặc non-FTA.

- Nội dung kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

- Mẫu quyết định thành lập đoàn kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng xuất khẩu tại cơ sở sản xuất của thương nhân.

- Mẫu Câu hỏi, biểu mẫu, nội dung trong kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

- Biên bản kiểm tra, xác minh tại xuất xứ hàng xuất khẩu tại cơ sở sản xuất của thương nhân.

- Quyền và trách nhiệm của các tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

- Gia hạn thời hạn trả lời xác minh C/O giấy với cơ quan hải quan nước nhập khẩu trong trường hợp thương nhân/cơ quan, tổ chức cấp C/O cần thêm thời gian thu thập thông tin trả lời xác minh.

- Trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, chứng từ của nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu/thành phẩm khi nhà xuất khẩu đề nghị cấp C/O là thương nhân, không phải là nhà sản xuất.

### ***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức lập đề xuất chính sách hoặc chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức lập đề xuất chính sách hoặc chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức lập đề xuất chính sách hoặc chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đóng trụ sở.

(4) Tên văn bản quy phạm pháp luật.

(5) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức lập đề xuất chính sách hoặc chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và số lượng bản lưu.

(6) Số lượng bản phát hành (nếu cần).